

STT	Khối	TSHS/Nữ	HẠNH KIỂM										HỌC LỰC														DANH HIỆU			
			TỐT		KHÁ		T.BÌNH /ĐẠT		YẾU /C.ĐẠT		Trên TB		GIỎI /TỐT		KHÁ		T.BÌNH /ĐẠT		YẾU /C.ĐẠT		KÉM		Trên TB		HSG /HSXS		HSTT /HSG			
			SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ		
1	6	70/27	67	95.71	2	2.86	0	0.00	0	0.00	69	98.57	10	14.29	32	45.71	25	35.71	1	1.43	0	0.00	67	95.71	2	2.86	8	11.43		
2	7	68/31	36	52.94	25	36.76	2	2.94	1	1.47	63	92.65	12	17.65	24	35.29	21	30.88	7	10.29	0	0.00	57	83.82	12	17.65	23	33.82		
3	8	69/22	40	57.97	22	31.88	6	8.70	0	0.00	68	98.55	14	20.29	21	30.43	23	33.33	9	13.04	1	1.45	58	84.06	14	20.29	21	30.43		
4	9	58/20	37	63.79	20	34.48	0	0.00	0	0.00	57	98.28	17	29.31	22	37.93	18	31.03	0	0.00	0	0.00	57	98.28	16	27.59	23	39.66		
5	10	480/193	312	65.00	106	22.08	40	8.33	12	2.50	458	95.42	42	8.75	246	51.25	170	35.42	10	2.08	2	0.42	458	95.42	40	8.33	240	50.00		
6	11	426/184	245	57.51	96	22.54	44	10.33	28	6.57	385	90.38	79	18.54	201	47.18	113	26.53	18	4.23	2	0.47	393	92.25	75	17.61	192	45.07		
7	12	401/162	324	80.80	52	12.97	21	5.24	0	0.00	397	99.00	129	32.17	223	55.61	45	11.22	0	0.00	0	0.00	397	99.00	128	31.92	214	53.37		
Toàn trường		1572/639	1,061	67.49	323	20.55	113	7.19	41	2.61	1,497	95.23	303	19.27	769	48.92	415	26.4	45	2.86	5	0.32	1,487	94.59	287	18.26	721	45.87		

Tp.HCM, ngày 20 tháng 10 năm 2022
Hiệu Trưởng